

Bản án số: 47/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 27-8-2020  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Trung Thu.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Yên; bà Nguyễn Thị Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2020/TLST - HNGĐ ngày 04/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Q - Sinh năm: 1985 - Địa chỉ: Thôn Triệu Thành (xóm 9 cũ), xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Mỹ H - Sinh năm: 1988 - Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn Triệu Thành (xóm 9 cũ), xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Mỹ H kết hôn vào ngày 19/12/2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày kết hôn anh và chị H chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh và chị H chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, về chung sống tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng. Do mâu thuẫn nên kể từ ngày 15/11/2017 cho đến nay, chị H đã dẫn theo con chung duy nhất của vợ chồng là Phạm Minh Q bỏ đi biệt tích khỏi gia đình. Tháng 12/2019, anh đã làm đơn yêu

cầu TAND huyện Nga Sơn tuyên bố chị H và cháu Q mất tích. Ngày 08/5/2020, Tòa án ND huyện Nga Sơn đã ra quyết định số 03/2020/QĐST-DS tuyên bố chị H và cháu Q mất tích. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con: Vợ chồng anh có 01 con chung là Phạm Minh Q - Sinh ngày: 07/9/2012. Do cháu Q đã bị Tòa án tuyên bố mất tích cùng với chị H nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30/6/2020, Tòa án tiến hành xác minh về sự có mặt, vắng mặt của chị Lê Thị Mỹ H và cháu Phạm Minh Q, thì kể từ thời điểm Tòa án tuyên bố chị H và cháu Q mất tích (ngày 08/5/2020) đến nay vẫn không thấy chị H và cháu Q có mặt tại gia đình và địa phương.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, còn anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là được ly hôn với chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q, cho anh Q được ly hôn chị Lê Thị Mỹ H. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của anh Phạm Văn Q, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Văn Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Lê Thị Mỹ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Chị Lê Thị Mỹ H đã bị tuyên bố mất tích và đã làm các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Ngày 06/8/2020, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, chị H vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn vắng mặt, theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân:

Anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị Mỹ H kết hôn ngày 19/12/2011, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn anh chị sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh Q là do anh và chị H chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, về chung sống tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng. Do mâu thuẫn nên kể từ ngày 15/11/2017 cho đến nay, chị H đã dẫn theo con chung duy nhất của anh chị là Phạm Minh Q bỏ đi biệt tích khỏi gia đình. Hiện chị H và cháu Q ở đâu, làm gì anh Q cùng như gia đình chị H, chính quyền địa phương không hề hay biết. Ngày 08/5/2020, Tòa án ND huyện Nga Sơn đã mở phiên họp và ra quyết định số 03/2020/QĐST-DS tuyên bố chị H và cháu Q mất tích. Nay quyết định đó đã có hiệu lực, anh Q đề nghị xin ly hôn chị H, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng chị H vẫn vắng mặt, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị H và chấp nhận cho anh Q được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Q và chị H 01 con chung là Phạm Minh Q - Sinh ngày: 07/9/2012. Do cháu Q đã bị Tòa án tuyên bố mất tích cùng với chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Anh Q không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 BLDS; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn Q, cho anh Phạm Văn Q được ly hôn chị Lê Thị Mỹ H.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà anh đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0010776 ngày 04/6/2020 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; anh Q đã nộp đủ tiền án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã B, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trung Thu**